TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

VỀ CÁC BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT

**ISPM SỐ 12**

**Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật**

Ban Thư ký Công ước Quốc tế về Bảo vệ thực vật

Thông qua 2014; công bố 2017

FAO 2017

FAO khuyến khích việc sử dụng, in ấn và phổ biến nội dung trong sản phẩm thông tin này. Trừ khi có quy định khác, tài liệu có thể được sao chép, tải xuống và in cho mục đích học tập, nghiên cứu và giảng dạy cá nhân, hoặc để sử dụng trong các sản phẩm hoặc dịch vụ phi thương mại, với điều kiện là xác nhận nguồn của FAO, và không ngụ ý rằng FAO thông qua quan điểm, sản phẩm hoặc dịch vụ của người sử dụng

Khi in ấn ISPM này, cần lưu ý rằng có thể tải được phiên bản ISPM cập nhật nhất từ trang web [www.ippc.int](http://www.ippc.int).

Tất cả các yêu cầu về quyền dịch thuật và điều chỉnh, bán lại và các quyền sử dụng thương mại khác phải được thực hiện thông qua www.fao.org/contact-us/licence-request hoặc gửi đến [copyright@fao.org](mailto:copyright@fao.org).

Các sản phẩm thông tin của FAO được đăng trên trên trang web của FAO (www.fao.org/publications) và có thể được mua qua [publications-sales@fao.org](mailto:publications-sales@fao.org).

Các chỉ dẫn và tài liệu sử dụng trong sản phẩm thông tin này không ngụ ý thể hiện bất kỳ ý kiến nào của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) về tình trạng pháp lý hoặc phát triển của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố nào hoặc khu vực hoặc chính quyền của quốc gia, lãnh thổ, thành phố nào hoặc khu vực đó, hoặc về việc phân định biên giới hoặc ranh giới. Việc đề cập đến các công ty hoặc sản phẩm của các nhà sản xuất cụ thể, dù có bằng sáng chế hay không, cũng không ngụ ý rằng những các công ty hoặc sản phẩm này đã được FAO thông qua hoặc khuyến nghị sử dụng hơn so với các các công ty hoặc sản phẩm khác tính chất tương tự nhưng không được đề cập ở đây.

Các quan điểm thể hiện trong sản phẩm thông tin này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm hoặc chính sách của FAO.

|  |  |
| --- | --- |
| **Lịch sử xuất bản**  *Đây không phải là một phần chính thức của tiêu chuẩn này*  1996-05 CEPM-3 bổ sung chủ đề *Giấy chứng kiểm dịch thực vật* (1996-003)  1996-08 EWG xây dựng bản dự thảo  1997-10 CEPM-4 hoãn thảo luận  1998-05 CEPM-5 thảo luận dự thảo  1999-05 CEPM-6 sửa đổi dự thảo và chấp thuận để gửi đi xin ý kiến các thành viên  1999-06 gửi đi xin ý kiến các thành viên  2000-11 ISC-2 sửa đổi dự thảo để thông qua  2001-04 ICPM-3 thông qua tiêu chuẩn  **ISPM 12.** 2001. *Hướng dẫn giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật*. Rome, IPPC, FAO.  2006-04 CPM-1 bổ sung chủ đề *Sửa đổi ISPM 12* (2006-035)  2006-11 SC phê duyệt Tiêu chuẩn kỹ thuật 38 *Sửa đổi ISPM 7 và ISPM 12*  2008-02 EWG sửa đổi tiêu chuẩn  2009-05 SC sửa đổi tiêu chuẩn và chấp thuận để gửi đi xin ý kiến các thành viên  2009-06 gửi đi xin ý kiến các thành viên  2010-02 Người chịu trách nhiệm sửa đổi chính tiến hành sửa đổi phần lời của tiêu chuẩn theo ý kiến của thành viên  2010-05 SC-7 sửa đổi tiêu chuẩn  2010-11 SC sửa đổi tiêu chuẩn để thông qua  2011-03 CPM-6 thông qua tiêu chuẩn đã sửa đổi  **ISPM 12**. 2011. *Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật*. Rome, IPPC, FAO.  2011-06 Nhóm công tác mở rộng nghiên cứu chủ đề cấp chứng thư điện tử  2012-02 Người chịu trách nhiệm sửa đổi chính và Ban chỉ đạo về ePhyto của IPPC xây dựng dự thảo | 2012-04 tham vấn SC  2012-06 tham vấn thành viên  2012-11 Người chịu trách nhiệm sửa đổi chính tiến hành sửa đổi bản dự thảo đã sửa đổi dự trên ý kiến đóng góp của thành viên  2013-05 SC-7 sửa đổi dự thảo  2013-06 bắt đầu thời gian góp ý các vấn đề quan trọng  2013-10 Người chịu trách nhiệm sửa đổi chính sửa đổi dự thảo dựa trên ý kiến góp ý của thành viên  2013-11 SC chấp nhận dự thảo để trình xin thông qua  2014-04 CPM-9 thông qua Phụ lục 1 sửa đổi của ISPM 12  2014-09 Ban thư ký đính chính tên tiếng Anh trong Phụ lục 1, bị sai sau khi đã thông qua (*Electronic phytosanitary certificatesion, information on standard XML schemas, and exchange mechanisms* (2014)). Tên hiện nay phản ánh chính xác Phụ lục 1 do CPM thông qua  2015-03 CPM-10 lưu ý bản dự thảo sửa đổi về “tình trạng kiểm dịch thực vật”.  2015-04 Ban thư ký IPPC tổng hợp dự thảo sửa đổi và chỉnh sửa lại thể thức theo quy trình thu hồi tiêu chuẩn từ CPM-10 (2015). Ban thư ký cũng hiệu đính tên của Phụ lục 1 từ “schemes” thành “schema”.  2015-09 Ban thư ký IPPC tổng hợp các thay đổi nhỏ.  2017-10 CPM Bureau đồng ý, trong trường hợp ngoại lệ, các dự thảo sửa đổi theo dự án thí điểm ePhyto và đề nghị Ban thư ký IPPC áp dụng ngay.  Cập nhật lịch sử xuất bản: 2017-10. |

**MỤC LỤC**

[Thông qua 7](#_Toc529787957)

[GIỚI THIỆU 7](#_Toc529787958)

[Phạm vi áp dụng 7](#_Toc529787959)

[Tài liệu tham khảo 7](#_Toc529787960)

[Thuật ngữ định nghĩa 7](#_Toc529787961)

[Yêu cầu chung 7](#_Toc529787962)

[TỔNG QUAN 8](#_Toc529787963)

[YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT 9](#_Toc529787964)

[1. Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật 9](#_Toc529787965)

[1.1. Mục đích của Giấy chứng nhận KDTV 9](#_Toc529787966)

[1.2. Loại và hình thức của Giấy chứng nhận KDTV 9](#_Toc529787967)

[1.3. Đính kèm theo Giấy chứng nhận KDTV 11](#_Toc529787968)

[1.4. Giấy chứng nhận KDTV điện tử 11](#_Toc529787969)

[1.5. Hình thức chuyển phát 12](#_Toc529787970)

[1.6. Thời hạn có hiệu lực 12](#_Toc529787971)

[2. Các hoạt động đối với cấp Giấy chứng nhận KDTV 13](#_Toc529787972)

[2.1 Bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV 13](#_Toc529787973)

[2.2 Cấp lại Giấy chứng nhận KDTV 13](#_Toc529787974)

[2.3 Sửa đổi Giấy chứng nhận KDTV 13](#_Toc529787975)

[3. Xem xét đối với các nước nhập khẩu và các NPPO ban hành Giấy chứng nhận KDTV 14](#_Toc529787976)

[3.1 Giấy chứng nhận KDTV không được chấp nhận 100006316715 4390 14](#_Toc529787977)

[3.1.1 Giấy chứng nhận KDTV không hợp lệ 15](#_Toc529787978)

[3.1.2 Giấy chứng nhận giả 15](#_Toc529787979)

[3.2 Yêu cầu nhập khẩu để chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV 16](#_Toc529787980)

[4. Xem xét cụ thể để chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV 16](#_Toc529787981)

[5. Hướng dẫn và yêu cầu để hoàn thiện từng mục của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu 18](#_Toc529787982)

[6. Xem xét các trường hợp tái xuất khẩu và quá cảnh 25](#_Toc529787983)

[6.1 Cân nhắc khi cấp Giấy chứng nhận cho hàng tái xuất khẩu 26](#_Toc529787984)

[6.2 Quá cảnh 28](#_Toc529787985)

[PHỤ LỤC 1: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu 29](#_Toc529787986)

[PHỤ LỤC 2: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu 31](#_Toc529787987)

[PHỤ CHƯƠNG 1: Chứng nhận KDTV điện tử, thông tin về cơ chế XML tiêu chuẩn và cơ chế trao đổi thông tin (2014) 33](#_Toc529787988)

[Giới thiệu 33](#_Toc529787989)

[1. Cấu trúc gói tin XML 33](#_Toc529787990)

[2. Nội dung của lược đồ XML 34](#_Toc529787991)

[2.1. Tên nước 34](#_Toc529787992)

[2.2. Tên khoa học của thực vật và sinh vật gây hại 34](#_Toc529787993)

[2.3 Mô tả về lô hàng 35](#_Toc529787994)

[2.4 Biện pháp xử lý 35](#_Toc529787995)

[2.5 Khai báo bổ sung 35](#_Toc529787996)

[2.6. Tên cán bộ được uỷ quyền 35](#_Toc529787997)

[3. Cơ chế trao đổi dữ liệu an toàn 35](#_Toc529787998)

[PHỤ CHƯƠNG 2: Từ ngữ đề xuất dùng cho khai báo bổ sung 39](#_Toc529787999)

# Thông qua

Tiêu chuẩn này được thông qua lần thứ nhất tại phiên họp lần thứ 3 của Uỷ ban Lâm thời về các biện pháp Kiểm dịch thực vật, tổ chức vào tháng 4 năm 2001 với tiêu đề “*Hướng dẫn về Chứng nhận Kiểm dịch thực vậ*t”. Bản sửa đổi lần 1 của Tiêu chuẩn này được thông qua tại kỳ họp lần thứ 6 của Uỷ ban về các biện pháp Kiểm dịch thực vật vào tháng 3 năm 2011, chính là tiêu chuẩn này. Việc sửa đổi Phụ lục 1 đã được thông qua tại kỳ họp thứ 9 của Ủy ban về các biện pháp kiểm dịch thực vật vào tháng 4 năm 2014.

# GIỚI THIỆU

# Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này cung cấp các yêu cầu và hướng dẫn cho việc chuẩn bị và ban hànhGiấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (KDTV)[[1]](#footnote-1)(Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu và tái xuất).

ISPM số 7 (*Hệ thống chứng nhận KDTV*) đưa rahướng dẫn chi tiết vềyêu cầu và nội dung của hệ thống chứng nhận KDTV do Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) xây dựng.

# Tài liệu tham khảo

Tiêu chuẩn này tham khảo các Tiêu chuẩn quốc tế về các Biện pháp Kiểm dịch thực vật (ISPM), được đăng tải trên Cổng Thông tin về Kiểm dịch thực vật của IPPC (viết tắt là IPP)https://www.ippc.int/core- activities/standards-setting/ispms.

IPPC (*Công ước Bảo vệ thực vật Quốc tế*). Rome, IPPC, FAO.

# Thuật ngữ định nghĩa

Tiêu chuẩn này sử dụng định nghĩa thuật ngữ kiểm dịch thực vật nêu trong ISPM 5 (*Định nghĩa thuật ngữ về kiểm dịch thực vật*).

# Yêu cầu chung

Giấy chứng nhận KDTV được sử dụng để chứng nhận lô hàng đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu và do NPPOban hành. Chỉ có cán bộ nhà nước có đủ trình độ kỹ thuật và được NPPO uỷ quyền mới có thể cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu và tái xuất.

Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu đượcban hành bởiNPPOcủa nước gieo trồng hoặc chế biếnthực vật, sản phẩm thực vật và vật thể thuộc diện điều chỉnh. Giấy chứng nhận KDTV tái xuất được ban hành bởi NPPO củanước tái xuất khẩu (là nướckhông được gieo trồng hoặc chế biến loại hàng hóa đó) với điều kiệnlô hàng không có nguy cơ nhiễm dịch hại và tuân thủ các yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu, và có bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV.

NPPOnên sử dụng mẫu Giấy chứng nhận KDTV của IPPC.

Trong trường hợpGiấy Chứng nhận KDTV không đủ chỗ để ghi hết thông tin yêu cầu về KDTV thì có thể đưa thông tin đó thành bản đính kèm của Giấy Chứng nhận KDTV.

Giấy chứng nhận KDTV nên đi kèm vớilô hàng hoặc có thể chuyển qua đường bưu điện hoặc con đường khác, hoặc theo sự thoả thuận giữa các nước, NPPO có thể sử dụng Giấy chứng nhận KDTV điện tử, trong đó sử dụng ngôn ngữ, bố cục thông tin và quy trình trao đổi đã được chuẩn hóa.

Giấy chứng nhận KDTV có thể chỉ có giá trị trong một thời gian nhất định. NPPO củanước xuất khẩu hoặc nước nhập khẩu có thể đưa ra quy định phù hợp.

Cần tuân thủ quy trình cụ thể nếu sử dụngGiấy chứng nhận KDTV thay thế, bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận KDTV, và có sửa đổi Giấy chứng nhận KDTV. Giấy chứng nhận KDTV không hợp lệ hoặc gian lận sẽ không được chấp nhận.

Cần đặc biệt chú ý tới trường hợp tái xuất khẩu, đặc biệt khinước tái xuất khẩu không yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu và cần thực hiện các biện pháp KDTV cụ thể tại nước xuất xứ.

# TỔNG QUAN

Giấy chứng nhận KDTV được sử dụng để xác nhậnlô hàng đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu và được áp dụng cho hầu hết các loài thực vật, sản phẩm thực vật, và vật thể thuộc diện KDTV khác trong thương mại quốc tế. Chứng nhận KDTV góp phần bảo vệ thực vật, bao gồm các loài thực vật được gieo trồng và không gieo được trồng/không được quản lý thuần hoá và chưa được thuần hoácũng như các loài thực vật hoang dã (bao gồm cả thực vật thủy sinh), môi trường sống và hệ sinh thái tại các nước nhập khẩu. Chứng nhận KDTV cũng tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế đối với các loài thực vật, sản phẩm thực vật, và vật thể thuộc diện KDTV khác bằng việc cung cấp hồ sơđược quốc tế công nhận và các thủ tục liên quan.

Điều V.2 (a) của IPPC quy định về cấp Giấy chứng nhận KDTV:

Kiểmdịch và các hoạt động liên quan khác để cấp Giấy chứng nhận KDTV phải được thực hiện bởiNPPO hoặc theo uỷ quyền củaNPPO. Việc cấp Giấy chứng nhận KDTV phải do công chức đượcNPPO công nhận có đủ năng lực kỹ thuật và uỷ quyền hợp pháp để thực hiệnthay mặt cho NPPOvà chịu sự kiểm soát của NPPO bằng việc cung cấp kiến thức và thông tin cho công chức để cơ quan có thẩm quyền của bên nhập khẩu có thể tin tưởng chấp nhận Giấy chứng nhận KDTV.

[Tham khảo ISPM số 7: 2011]

Quy định trên đã được làm rõ tại Hội nghị FAO năm 1997, trong quá trình phê duyệt bản sửa đổi năm 1997 của IPPC: “Điều này được hiểu rằng ... “công chức được NPPO công nhận có đủ năng lực kỹ thuật và uỷ quyền hợp pháp” bao gồm các cán bộ làm việc tại NPPO". Từ "công" ở đây có nghĩa là ngườido chính phủ tuyển dụng, không phải do công ty tư nhân. "Bao gồm các cán bộ củaNPPO" có nghĩa là cán bộ có thể do NPPO trực tiếp tuyển dụng, nhưng không bắt buộc.

IPPC cũng đề cập đến yêu cầu đối với việc sử dụng các mẫu Giấy chứng nhận KDTV (trong Điều V.3):

Các bên cam kết không yêu cầu các lô hàng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện KDTV khi nhập khẩu vào lãnh thổ nước mình phảikèm theo Giấy chứng nhận KDTV không theo mẫu quy định tại Phụ lục của Công ước này. Chỉ được yêu cầu khai báo bổ sung về mặt kỹ thuật.

# YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

# 1. Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật

**1.1. Mục đích của Giấy chứng nhận KDTV**

Giấy chứng nhận KDTV được cấp nhằm mục đích xác nhận lô hàng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện KDTV đáp ứng yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu và phù hợp lời chứng nhận. Giấy chứng nhận KDTV cũng có thể được ban hànhđể hỗ trợ cho việc chứng nhận tái xuất khẩu hàng sangnước khác. Chỉ được cấp Giấy chứng nhận KDTV cho các mục đích nêu trên.

**1.2. Loại và hình thức của Giấy chứng nhận KDTV**

Trong phụ lục của IPPC có hai (02) loại Giấy chứng nhận: (1) Giấy chứng nhận KDTV (nêu tại Phụ lục 1 của tiêu chuẩn này) cho mục đích xuất khẩu và (2)“Giấy chứng nhận KDTVtái xuất khẩu” (nêu tại Phụ lục 2 của tiêu chuẩn này) cho mục đích táixuất khẩu.

Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu thường do NPPO của nước xuất xứ cấp. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu mô tả lô hàng và, thông qua lời chứng, thông báo bổ sung cũng như thông tin về xử lý kiểm dịch thực vật, để khẳng định lô hàng đáp ứng các yêu cầu KDTV nhập khẩu. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu cũng có thể được cấp trong một số trường hợp tái xuất thực vật, sản phẩm thực vật và các loại vật thể thuộc diện KDTV khác có xuất xứ từ nước không phải là nước tái xuất nếu lô hàng được nuớc tái xuất xác nhận là đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu (ví dụ: bằng cách kiểm tra kiểm dịch).

NPPO của nước tái xuất có thể cấp Giấy Chứng nhận KDTV tái xuất khẩu trong trường hợp hàng hoá không được gieo trồng hoặc không được chế biến tại nước đó tới mức làm thay đổi bản chất tự nhiên ban đầu và phải có bản gốc hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu của nước xuất xứ. Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu chỉ ra mối liên hệ với Giấy chứng nhận KDTV do NPPO của nước xuất khẩu cấp và nêu ra mọi thay đổi về tình trạng KDTV có thể xuất hiện tại nước tái xuất khẩu.

Công tác quản lý cấp hai (02) loại Giấy chứng nhận KDTV (xuất khẩu và tái xuất khẩu) và hệ thống đảm bảo tính pháp lý của hai loại giấy chứng nhận này đều áp dụng quy trình như nhau.

Theo Điều V.2(b) của IPPC, mẫu Giấy chứng nhận KDTV của IPPC cung cấp các từ ngữ chuẩn hoá phải áp dụng để xây dựng Giấy chứng nhận KDTV. Cần chuẩn hoá Giấy chứng nhận KDTV nhằm đảm bảo tính nhất quán, tức phải dễ nhận diện và đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin thiết yếu. Khuyến khích NPPO chỉ sử dụng một mẫu duy nhất Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu và một mẫu duy nhất Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu và giới thiệu các mẫu giấy chứng nhận này trên cổng thông tin quốc tế về KDTV (IPP) (https://www ippc.int) để tránh làm giả giấy chứng nhận.

Giấy chứng nhận KDTV có thể được cấp ở dạng giấy hoặc dạng điện tử, nếu được NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận.

Giấy chứng nhận KDTV điện tử là bản điện tử của từ ngữ và dữ liệu ghi trên Giấy chứng nhận KDTV ở dạng giấy, bao gồm cả lời chứng, và được NPPO của nước xuất khẩu gửi cho NPPO của nước nhập khẩu bằng con đường bảo đảm và hợp pháp. Việc cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử không cần đến xử lý văn bản hoặc soạn thảo văn bản giấy, bản giấy không được gửi qua đường điện tử. Việc cấp Giấy chứng nhận điện tử cũng không phải là chuyển dạng điện tử của Giấy chứng nhận KDTV dạng giấy (ví dụ: qua e-mail).

NPPO nên áp dụng một số biện pháp bảo vệ để ngăn chặn hành vi làm giả Giấy chứng nhận KDTV dạng giấy, ví dụ: sử dụng loại giấy đặc biệt, hình mờ hoặc công nghệ in đặc biệt. Khi sử dụng Giấy chứng nhận KDTV điện tử cũng nên áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp.

Giấy chứng nhận KDTV được xem là hợp lệ khi đáp ứng tất cả các yêu cầu KDTV, được NPPO của nướcxuất khẩu hoặc tái xuất khẩu ghi ngày, ký và đóng dấu, niêm phong, đánh dấu hoặc hoàn thành bằng phương thức điện tử.

**1.3. Đính kèm theo Giấy chứng nhận KDTV**

Trường hợp thông tin KDTV yêu cầu vượt quá khoảng trống cho phép trên mẫu Giấy chứng nhận KDTV thì có thể bổ sung tập đính kèm. Tập đính kèm chỉ đề cập các thông tin theo nội dung yêu cầu trong giấy chứng nhận KDTV. Tất cả các trang của tập đính kèm phải ghi số ban hành của Giấy chứng nhận KDTV, ghi rõ ngày, có chữ ký và con dấu giống như yêu cầu đối với Giấy chứng nhận KDTV. Trên Giấy chứng nhận KDTV, tại vị trí phù hợp, phải ghi rõ có tập đính kèm. Nếu tập đính kèm có nhiều trang, các trang cần được đánh số và trên Giấy chứng nhận KDTV phải ghi rõ số lượng trang. Các loại giấy tờ khác như Giấy chứng nhận theo Công ước quốc tế buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) có thể đi theo lô hàng cùng với Giấy chứng nhận KDTV, song không được coi là tệp đính kèm của Giấy chứng nhận KDTV, cũng không được ghi trên Giấy chứng nhận KDTV.

**1.4. Giấy chứng nhận KDTV điện tử**

Giấy chứng nhận KDTV điện tử có thể được ban hành nếu NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận.

Khi sử dụng Giấy chứng nhận KDTV điện tử, NPPO cần phải xây dựng hệ thống tạo ra giấy chứng nhận, trong đó sử dụng ngôn ngữ, cách bố trí nội dung và quy trình trao đổi theo chuẩn. Phụ lục 1 cung cấp hướng dẫn về ngôn ngữ, cách bố trí nội dung và quy trình trao đổi theo chuẩn.

Có thể sử dụng Giấy chứng nhận KDTV điện tử nếu:

* Cách thức ban hành, gửi và mức độ bảo mật được NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận và phù hợp với NPPO của các nước liên quan khác.
* Thông tin được cung cấp phù hợp với mẫu Giấy chứng nhận KDTVcủa IPPC.
* Mục đích của việc Giấy chứng nhận KDTV phù hợp với IPPC.
* Có thể thiết lập đầy đủ và đảm bảo được điểm nhận dạng cho NPPO cấp giấy chứng nhận KDTV.

**1.5. Hình thức chuyển phát**

Giấy chứng nhận KDTV nên đi kèm với lô hàng được chứng nhận. Giấy chứng nhận KDTV có thể được gửi riêng qua thư hoặc qua phương tiện khác nếu NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận. Đối với Giấy chứng nhận KDTV điện tử, cán bộ NPPO liên quan phải có khả năng truy cập trực tiếp. Trong mọi trường hợp, cần cung cấp Giấy chứng nhận KDTV cho NPPO của nước nhập khẩu khi lô hàng đến cửa khẩu nhập.

**1.6. Thời hạn có hiệu lực**

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận KDTV, lô hình có thể không còn được đảm bảo về KDTV, do đó NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu có thể đưa ra quyết định để hạn chế thời hạn có giá trị đối với Giấy chứng nhận KDTV sau khi cấp và trước khi xuất khẩu.

NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu có thể kiểm tra tình trạng và xác định khoảng thời gian có hiệu lực của Giấy chứng nhận KDTV trước khi lô hàng xuất khẩu, tron đó có xem xét khả năng lô hàng tái bị nhiễm sinh vật gây hại trước khi xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu. Nguyên nhân lô hàng bị tái nhiễm sinh vật gây hại có thể do bao gói (thùng đóng kín hoặc không chặt) và môi trường bảo quản (hở hoặc kín), loại hàng hóa và phương tiện vận chuyển, mùa vụ và loại sinh vật gây hại. Sau thời gian có hiệu lực này, Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu có thể vẫn được sử dụng cho mục đích cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu, với điều kiện lô hàng không có nguy cơ bị nhiễm sinh vật gây hại và hàng hóa vẫn đáp ứng yêu cầu KDTV của nướcnhập khẩu.

Trong yêu cầu KDTV nhập khẩu, NPPO của nước nhập khẩu cũng có thể đưa ra quy định về thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận KDTV.

# 2. Các hoạt động đối với cấp Giấy chứng nhận KDTV

**2.1 Bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV**

Bản sao chứng thực là một bản sao của bản chính Giấy chứng nhận KDTV và được xác nhận (được đóng dấu, ghi ngày cấp và tiếp ký) bởi NPPO để khẳng định đây là bản sao đúng như bản chính Giấy chứng nhận KDTV. Bản sao chứng thực không thay thế được bản chính và được sử dụng chủ yếu cho mục đích tái xuất khẩu.

**2.2 Cấp lại Giấy chứng nhận KDTV**

Trong một số trường hợp đặc biệt Giấy chứng nhận KDTV có thể được cấp lại theo yêu cầu của người xuất khẩu cho lô hàng đã được cấp Giấy chứng nhận KDTV (ví dụ: Giấy chứng nhận KDTV bị hư hỏng; thay đổi địa chỉ, thay đổi nước nhập khẩu cuối cùng hoặc cửa khẩu nhập; thiếu thông tin hoặc thông tin không chính xác) và bởi chính NPPO của nước đã cấp Giấy chứng nhận KDTV.

Trong mọi trường hợp, khi cấp lại Giấy chứng nhận KDTV, NPPO cần yêu cầu nhà xuất khẩu nộp lại bản chính và tất cả bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV đã được cấp cho lô hàng.

Các yêu cầu liên quan đến việc cấp lại Giấy chứng nhận KDTV gồm:

- NPPO của nước ban hành Giấy chứng nhận KDTV phải giữ lại và hủy Giấy chứng nhận KDTV mà nhà xuất khẩu nộp lại. Số phát hành của Giấy chứng nhận KDTV mới phải khác với số phát hành trên Giấy chứng nhận KDTV bị thay thế. Không sử dụng lại số phát hành của Giấy chứng nhận KDTV ban đầu.

- Trong trường hợp không nộp lại Giấy chứng nhận KDTV đã cấp và ngoài sự kiểm soát của NPPO (ví dụ: bị mất hoặc tại một quốc gia khác), NPPO có thể quyết định cấp Giấy chứng nhận KDTV khác thay thế. Số ban hành của Giấy chứng nhận KDTV mới không sử dụng lại số Giấy chứng nhận KDTV ban đầu, nhưng cần nêu rõ trong phần thông báo bổ sung rằng "Giấy chứng nhận này thay thế và hủy bỏ Giấy chứng nhận KDTV số [điền số phát hành] cấp ngày [điền thông tin ngày cấp]”.

**2.3 Sửa đổi Giấy chứng nhận KDTV**

Nên tránh sửa đổi Giấy chứng nhận KDTV vì có thể tạo ra sự không tin tưởng về tính hợp lệ của Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, nếu cần thiết, chỉ nên sửa đổi bản chính Giấy chứng nhận KDTV và do chính NPPO đã từng ban hành sửa đổi. Cần hạn chế tối đa sửa đổi và phần sửa đổi phải được đóng dấu, đề ngày và tiếp ký bởi NPPO đã từng ban hành Giấy chứng nhận.

# 3. Xem xét đối với các nước nhập khẩu và các NPPO ban hành Giấy chứng nhận KDTV

NPPO của nước nhập khẩu có thể chỉ yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV đối với vật thể thuộc diện KDTV. Các vật thể này thường là thực vật, sản phẩm thực vật và cũng có thể là các loại vật thể khác như công-tơ-nơ rỗng, xe cộ và các sinh vật không phải là thực vật được chứng minh cần áp dụng các biện pháp KDTV.

NPPO của nước nhập khẩu không nên yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV đối với các sản phẩm thực vật đã qua chế biến tới mức không còn khả năng để dịch hại thuộc diện điều chỉnh xâm nhập, hoặc những vật thể khác không cần áp dụng các biện pháp KDTV (xem IPPC, Điều VI.2 và ISPM 32 (*Phân loại hàng hoá theo nguy cơ dịch hại*).

Các NPPO nên tham khảo ý kiến song phương khi có quan điểm khác nhau về việc giải thích kỹ thuật đối với yêu cầu để Giấy chứng nhận KDTV. Yêu cầu đối với Giấy chứng nhận KDTV cần tuân thủ các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, cần thiết và có căn cứ kỹ thuật (xem ISPM 1 (*Các nguyên tắc KDTV trong BVTV và áp dụng các biện pháp KDTV trong thương mại quốc tế*)).

**3.1 Giấy chứng nhận KDTV không được chấp nhận 100006316715 4390**

NPPO của nước nhập khẩu không nên chấp nhận Giấy chứng nhận KDTV khi xác định được Giấy chứng nhận này là không hợp lệ hoặc giả mạo. Nên thông báo ngay cho NPPO của nước cấp Giấy chứng nhận KDTV về việc Giấy chứng nhận KDTV không được chấp nhận hoặc bị nghi ngờ theo quy định nêu tại ISPM 13 (*Hướng dẫn thông báo về trường hợp không tuân thủ và hành động khẩn cấp*). Trường hợp NPPO của nước nhập khẩu nghi ngờ không thể chấp nhận Giấy chứng nhận KDTV thì có thể yêu cầu NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu hợp tác ngay để xác minh tính hợp lệ hoặc không hợp lệ của Giấy chứng nhận KDTV. Nếu cần thiết, NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu phải có hành động khắc phục và xem xét lại hệ thống cấp Giấy chứng nhận KDTV để đảm bảo độ tin cậy cao đối với Giấy chứng nhận KDTV được cấp.

**3.1.1 Giấy chứng nhận KDTV không hợp lệ**

Giấy chứng nhận KDTV là không hợp lệ nếu có một trong các đặc điểm sau:

* thông tin không đầy đủ hoặc không chính xác
* thông tin sai lệch hoặc gây hiểu nhầm
* thông tin đối lập hoặc không thống nhất
* từ ngữ hoặc thông tin không phù hợp với mẫu Giấy chứng nhận KDTV
* thông tin được bổ sung bởi người không có thẩm quyền
* sửa chữa hoặc tẩy xoá không theo thẩm quyền (không được đóng dấu, ghi ngày hoặc tiếp ký)
* quá thời hạn có giá trị, trừ khi được dùng làm bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTVtái xuất khẩu
* không đọc được (ví dụ: chữ viết xấu, bị hư hỏng)
* không được chứng thực
* được gửi qua con đường không được NPPO cho phép (đối với Giấy chứng nhận KDTV điện tử)
* giấy chứngnhận KDTV cấp cho thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV khác đang bị cấm nhập khẩu.

Các nội dung nêu trên cũng là lý do để không chấp nhận Giấy chứng nhận KDTV hoặc yêu cầu bổ sung thông tin.

**3.1.2 Giấy chứng nhận giả**

Một số hình thức giả mạo Giấy chứng nhận KDTV:

* không theo đúng mẫu quy định
* không được ghi ngày cấp, đóng dấu, đánh dấu hoặc niêm phong, và không có chữ ký của NPPO
* người cấp không phải là công chức được ủy quyền.

Giấy chứng nhận KDTV giả được xem là không hợp lệ. NPPO Giấy cấp chứng nhận cần có các biện pháp để ngăn chặn hành vi làm giả. Trong trường hợp cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử, ngăn chặn hành vi làm giả là một yếu tố cần thiết đối với cơ chế cấp chứng nhận điện tử. NPPO của nước xuất khẩu cần có các hành động khắc phục khi được thông báo không tuân thủ.

**3.2 Yêu cầu nhập khẩu để chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV**

Nước nhập khẩu thường đưa ra các yêu cầu nhập khẩu cụ thể, cần phải tuân theo các yêu cầu này để chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV. Dưới đây là một số ví dụ về yêu cầu của nước nhập khẩu:

* giấy chứng nhận KDTV được hoàn thiện bằng một ngôn ngữ cụ thể hoặc một trong các ngôn ngữ được liệt kê (tuy nhiên, các nước được khuyến khích sử dụng một trong số các ngôn ngữ chính thức của FAO, thường là tiếng Anh)
* khoảng thời gian cho phép cấp Giấy chứng nhận KDTV sau khi kiểm dịch hoặc xử lý, và khoảng thời gian từ khi cấp Giấy chứng nhận KDTV và lô hàng được vận chuyển ra khỏi nước xuất khẩu.
* hoàn thành Giấy chứng nhận KDTV bằng cách đánh máy, hoặc nếu viết tay thì có phải viết chữ hoa không (đối với những ngôn ngữ cho phép).
* đơn vị tính được sử dụng để mô tả lô hàng và khối lượng cần khai báo.

# 4. Xem xét cụ thể để chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV

Giấy chứng nhận KDTV chỉ được cấp bởi các công chức có đủ trình độ kỹ thuật và được NPPO uỷ quyền hợp pháp.

Giấy chứng nhận KDTV chỉ được cấp nếu xác nhận lô hàng đã đáp ứng các yêu cầu KDTV nhập khẩu.

Giấy chứng nhận KDTV nên có các thông tin cần thiết để làm rõ chuyến hàng được cấp Giấy chứng nhận đó.

Giấy chứng nhận KDTV chỉ nên chứa các thông tin liên quan đến các vấn đề KDTV. Giấy chứng nhận KDTV không nên bao gồm yêu cầu không liên quan đến KDTV như vấn đề về thú ý hoặc sức khỏe con người, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, phóng xạ, thông tin thương mại (ví dụ: thư tín dụng), hoặc chất lượng hàng hóa.

Để tiện cho tham chiếu chéo giữa Giấy chứng nhận KDTV và các tài liệu không liên quan đến chứng nhận KDTV (ví dụ: thư tín dụng, vận đơn, chứng nhận CITES), Giấy chứng nhận KDTV có thể có một số ghi chú liên quan tới mã nhận dạng, biểu tượng hoặc số lượng các tài liệu có liên quan để tham chiếu chéo. Chỉ nên sử dụng những ghi chú này khi cần thiết và không nên coi đó là một phần của Giấy chứng nhận KDTV.

Tất cả các phần của giấy chứng nhận KDTV cần được điền đầy đủ thông tin. Trường hợp không có thông tin thì nên ghi "NONE" hoặc bôi khoá dòng hoặc kẻ một đường gạch hết cả phần đó để ngăn bổ sung thông tin trái phép. .

Đối với các lô hàng tái xuất khẩu, có thể cần thông tin cụ thể từ nước xuất xứ, tuy nhiên, thông tin này có thể không được ghi trên giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu (ví dụ: thiếu thông tin cụ thể về việc thông báo bổ sung trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, hoặc nước tái xuất khẩu không yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu). Trong các trường hợp này, nếu không đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu của nước tái xuất khẩu thì nước tái xuất có thể không cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu. Tuy nhiên, có thể áp dụng trong các trường hợp sau đây:

* Trường hợp NPPO của nước tái xuất yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, theo yêu cầu của nhà xuất khẩu, NPPO của nước xuất xứ có thể cung cấp thêm thông tin KDTV (ví dụ: kết quả kiểm tra mùa vụ ) theo yêu cầu của nước tái xuất khẩu. Thông tin này có thể được dùng để cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu và nên được ghi vào phần thông báo bổ sung, dưới tiêu đề "Thông tin KDTV bổ sung chính thức" (xem phần 5).
* Trường hợp NPPO của nước tái xuất khẩu không yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV, theo yêu cầu của nhà xuất khẩu, NPPO của nước xuất xứ vẫn có thể cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu này dành cho đối với các lô hàng tái xuất khẩu để cung cấp thêm thông tin KDTV cần thiết cho việc cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu.
* Trong cả hai trường hợp trên, nước tái xuất khẩu phải đảm bảo tình trạng chuyến hàng vẫn được duy trì và không có nguy cơ bị nhiễm dịch hại.
* Cần cấp Giấy chứng nhận KDTV trước khi lô hàng lên đường; tuy nhiên, cũng có thể cấp sau khi hàng lên đường nếu:
* Đã đảm bảo được an toàn KDTV của lô hàng, và
* NPPO của nước xuất khẩu đã tiến hành lấy mẫu, kiểm tra và áp dụng biện pháp xử lý cần thiết để đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu trước khi hàng lên đường.
* Không được cấp Giấy chứng nhận KDTV nếu không đáp ứng các tiêu chí này.
* Trong trường hợp giấy chứng nhận KDTV được ban hành sau khi hàng lên đường, ngày kiểm tra cần được ghi rõ trong phần thông báo bổ sung nếu nước nhập khẩu yêu cầu.

# 5. Hướng dẫn và yêu cầu để hoàn thiện từng mục của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu

Thông tin cần điền vào các phần của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu như sau:

*[Tiêu đề in đậm là các mục trong Giấy chứng nhận mẫu, xem mẫu ở Phụ lục 1]*

**Số. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Mỗi giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu có một số nhận dạng duy nhất, cho phép truy xuất lô hàng, thuận tiện cho việc kiểm tra và lưu giữ hồ sơ.

**Tổ chức Bảo vệ thực vật của.\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tên của các quốc gia cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu nên được đề cập tại mục này, cùng với tên của NPPO.

**GỬI: Tổ chức Bảo vệ thực vật của.\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tên nước nhập khẩu nên được đề cập tại mục này. Trường hợp nước quá cảnh và nước nhập khẩu có yêu cầu KDTV cụ thể, bao gồm cả yêu cầu cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, thì ghi tên của cả hai (02) nước, và nêu rõ nước quá cảnh. Cần lưu ý để đảm bảo đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu hoặc quá cảnh của mỗi nước và ghi yêu cầu một cách phù hợp. Trường hợp lô hàng được nhập khẩu và sau đó tái xuất sang một nước khác, có thể ghi tên của cả hai (02) nước, với điều kiện đã đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu của cả hai (02) nước.

--------------------------------------------------

**Phần I. Diễn giải về chuyến hàng**

**Tên và địa chỉ của người xuất khẩu. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Thông tin này giúp xác định nguồn gốc của lô hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất và kiểm tra của tổ chức BVTV nước xuất khẩu. Địa chỉ của người xuất khẩu là địa chỉ tại nước xuất khẩu. Tên và địa chỉ của đại lý trong nước hoặc đơn vị vận chuyển trong nước của người xuất khẩu được sử dụng trong trường hợp người xuất khẩu là một công ty quốc tế có địa chỉ ở một nước khác.

**Tên và địa chỉ của người nhập khẩu. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Tên và địa chỉ của người nhập khẩu được đề cập tại mục này, với thông tin đầy đủ và chi tiết nhằm tạo thuận lợi cho NPPO của nước nhập khẩu xác nhận danh tính của người nhập khẩu và, khi cần, có thể sử dụng để truy xuất đối hàng hóa vi phạm. Trường hợp không biết người nhập khẩu, có thể sử dụng từ "To order" nếu NPPO nước nhập khẩu cho phép sử dụng thuật ngữ này và chấp nhận mọi nguy cơ liên quan. Nước nhập khẩu có thể yêu cầu địa chỉ của người nhập khẩu phải là địa chỉ tại nước nhập khẩu.

**Số lượng và loại bao bì. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ghi rõ số lượng và loại bao bì. Phần này cần ghi đầy đủ thông tin để giúp NPPO của nước nhập khẩu xác nhận Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu cấp cho chuyến hàng tương ứng. Trong trường hợp (ví dụ: hạt ngũ cốc và gỗ để rời) xem xét vận chuyển bằng công-tơ-nơ và/hoặc tàu hoả, có thể ghi loại bao bì và số lượng (ví dụ: 10 công-tơ-nơ). Đối với lô hàng để rời, có thể sử dụng thuật ngữ “In bulk" (để rời).

**Ký, mã hiệu distinguishing marks \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Phải ghi ký, mã hiệu trên bao bì (ví dụ: số lô, số thứ tự hoặc tên thương hiệu) và mã số phương tiện vận chuyển hoặc tên (ví dụ: mã số công-tơ-nơ và tàu hỏa hoặc tên tàu biển trong trường hợp các lô hàng để rời) nếu cần dùng để xác định lô hàng.

**Nơi sản xuất. Xuất xứ place of origin\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Xuất xứ là nơi hàng hóa được gieo trồng hoặc sản xuất và là nơi hàng hoá có thể đã bị nhiễm hoặc tái nhiễm các loài dịch hại thuộc diện điều chỉnh. Trong mọi trường hợp, phải ghi tên (các) nước sản xuất. Thông thường, tình trạng KDTV của lô hàng thường bắt nguồn từ nơi xuất xứ. Các nước có thể yêu cầu tên hoặc mã vùng không nhiễm dịch hại, địa điểm sản xuất không nhiễm dịch hại hoặc cơ sở sản xuất sản xuất không nhiễm dịch hại. Các thông tin chi tiết về vùng không nhiễm dịch hại, địa điểm sản xuất không nhiễm dịch hại hoặc cơ sở sản xuất sản xuất không nhiễm dịch hại có thể được ghi trong phần khai báo bổ sung.

Nếu hàng hóa được đóng gói lại, lưu trữ hoặc vận chuyển, tình trạng KDTV của hàng hóa đó có thể thay đổi theo thời gian vì tại địa điểm mới hàng có thể bị nhiễm hoặc tái nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh. Tình trạng KDTV cũng có thể thay đổi do quá trình chế biến, khử trùng hoặc xử lý, giúp loại bỏ khả năng nhiễm hay tái nhiễm. Vì vậy, tình trạng KDTV của lô hàng có thể phụ thuộc vào nhiều địa điểm. Trong những trường hợp như vậy, cần phải khai báo từng nước và địa điểm, khi cần thiết, và ghi nơi xuất xứ ban đầu trong ngoặc đơn, ví dụ khai báo "nước xuất khẩu X (nước xuất xứ Y)".

Nếu trong một lô hàng gồm nhiều lô khác nhau, có nguồn gốc từ nhiều nơi hoặc nước khác nhau, nên ghi rõ tên tất cả các quốc gia và nơi xuất xứ, nếu cần. Để hỗ trợ cho việc truy xuất trong các trường hợp này, có thể ghi nơi hợp lý nhất để truy xuất, ví dụ như công ty xuất khẩu có lưu giữ hồ sơ.

Nếu thực vật đã được nhập khẩu hoặc vận chuyển trong một quốc gia và đã được gieo trồng trong một thời gian cụ thể (tùy từng loại hàng hóa, nhưng thường được gieo trồng một hay nhiều vụ), các loài thực vật này có thể được xem là đã thay đổi nước hoặc nơi xuất xứ, với điều kiện là tình trạng KDTV được xác định bởi nước hoặc vùng gieo trồng sau.

**Khai báo phương tiện vận chuyển.\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Mục này đề cập đến cách thức vận chuyển hàng hoá khi rời khỏi nước chứng nhận. Có thể sử dụng các thuật ngữ như "tàu biển", "thuyền", "máy bay", "đường bộ", "xe tải", "đường sắt", "bưu điện" và "xách tay" để mô tả phương tiện vận chuyển. Có thể đề cập tên tàu và số hiệu tàu hoặc số hiệu chuyến bay, nếu có thông tin. Phương tiện vận chuyển thường được người xuất khẩu khai báo. Thông thường, phương tiện vận chuyển chỉ là phương tiện vận chuyển trực tiếp đầu tiên cho lô hàng sau khi được cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển hàng hóa có thể thay đổi, ví dụ khi công-tơ-nơ chứa hàng hoá được chuyển từ tàu biển sang xe tải. Nếu những dấu hiệu đó có thể giúp xác định được chuyến hàng thì chỉ cần khai báo phương tiện vận chuyển đầu tiên. Như vậy, trong trường hợp này không cần thiết phải khai báo phương tiện vận chuyển được sử dụng khi đến nước nhập khẩu.

**Khai báo Cửa khẩu nhập.\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Cửa khẩu nhập là địa điểm đến đầu tiên của lô hàng tại nước nhập khẩu. Trường hợp không biết tên cửa khẩu nhập thì ghi tên nước nhập khẩu. Trường hợp chuyến hàng quá cảnh qua quốc gia khác thì cần phải khai tên quốc gia quá cảnh nếu nước này có quy định KDTV đối với hàng quá cảnh. Cửa nhập khẩu của nước quá cảnh, hoặc nếu không biết thì ghi tên nước quá cảnh, cần phải ghi trong dấu ngoặc đơn.

Người xuất khẩu phải khai báo cửa khẩu nhập khi cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Cửa khẩu nhập này có thể thay đổi vì nhiều lý do khác nhau. Do vậy, không nên coi là vi phạm nếu nhập khẩu vào một cửa khẩu khác với cửa khẩu đã khai báo. Tuy nhiên, trong trường hợp NPPO của nước nhập khẩu quy định cửa nhập khẩu theo yêu cầu KDTV nhập khẩu thì nên khai báo một trong những cửa khẩu nhập cụ thể đó và lô hàng sẽ nhập khẩu tại cửa khẩu nhập này.

**Tên và khối lượng sản phẩm. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Mục này mô tả đầy đủ các thông tin về hàng hóa, bao gồm tên thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện KDTV, đơn vị tính và khối lượng lượng càng chính xác càng tốt để giúp NPPO của nước nhập khẩu xác minh hàng hóa bên trong lô hàng. Có thể ghi mã số quốc tế để tạo thuận lợi cho việc xác định hàng hóa (ví dụ: mã số hải quan) và nên sử dụng các đơn vị đo lường và thuật ngữ đã được quốc tế công nhận (hệ đo lường mét). Do có thể áp dụng yêu cầu KDTV nhập khẩu khác nhau cho mục đích sử dụng khác nhau (ví dụ: cho mục đích tiêu dùng so với mục đích làm giống) hoặc mức độ chế biến khác nhau (ví dụ: sản phẩm tươi so với sản phẩm khô) nên cần nêu rõ mục đích sử dụng hoặc mức độ chế biến. Mục này không đề cập tới tên thương mại, kích thước hay các thuật ngữ thương mại khác.

**Tên khoa học của thực vật.\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Thông tin đề cập tại mục này giúp xác định được thực vật và sản phẩm thực vật bằng cách sử dụng tên khoa học đã được chấp nhận, ít nhất tức mức giống, song thường đến mức loài.

Trong trường hợp không thể có tên khoa học của vật thể thuộc diện KDTV và các sản phẩm có thành phần hỗn hợp như thức ăn chăn nuôi thì NPPO của nước xuất khẩu và nhập khẩu có thể thống nhất sử dụng một tên gọi chung phù hợp hoặc nên ghi ‘’Not Applicable” (không có), hoặc “N/A” tại mục này.

**Lời chứng nhận**

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc kiểm nghiệm theo quy trình chính thức phù hợp, không nhiễm đối tượng KDTV của nước nhập khẩu, và phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, bao gồm cả yêu cầu về đối tượng phải kiểm soát.

Xét thực tế thấy lô hàng không bị nhiễm các loài sinh vật gây hại khác\*. [\* không bắt buộc]

Trong hầu hết các trường hợp đều có yêu cầu KDTV nhập khẩu cụ thể hoặc dịch hại thuộc diện điều chỉnh được đề cập, và lời chứng nhận trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu được sử dụng để xác nhận sự phù hợp các yêu cầu KDTV nhập khẩu.

Trường hợp yêu cầu KDTV nhập khẩu không cụ thể thì NPPO của nước xuất khẩu có thể xác nhận tình trạng KDTV chung của lô hàng về bất kỳ loại dịch hại nào mà NPPO tin là đối tượng quan tâm về KDTV.

NPPO của nước xuất khẩu có thể ghi điều khoản không bắt buộc trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. NPPO của nước nhập khẩu không thể yêu cầu bổ sung điều khoản không bắt buộc.

“Quy trình chính thức phù hợp" là quy trình do NPPO hoặc do các cá nhân được NPPO ủy quyền thực hiện để cấp chứng nhận KDTV. Quy trình này phải phù hợp với các ISPM liên quan. Quy trình có thể do NPPO của nước nhập khẩu quy định trên cơ sở các ISPM liên quan.

"Được xem là không nhiễm đối tượng KDTV" có nghĩa là không phát hiện được lô hàng nhiễm dịch hại, về số lượng hay khối lượng, khi áp dụng quy trình KDTV. Trong mọi trường hợp, không nên hiểu câu này nghĩa là lô hàng hoàn toàn không nhiễm dịch hại mà nên được hiểu là: căn cứ vào quy trình sử dụng để phát hiện hay loại bỏ dịch hại, lô hàng được tin là không có đối tượng KDTV. Phải công nhận rằng các quy trình KDTV vẫn có độ không chắc chắn và có biến động, và vẫn có xác suất dịch hại không bị phát hiện hoặc loại bỏ. Sự không chắc chắn và xác suất này cần được xem xét khi đưa ra quy trình.

Trong một số trường hợp đã áp dụng biện pháp xử lý chiếu xạ, dịch hại còn sống ở pha nào đó vẫn có thể tồn tại trong lô hàng. Nếu đã áp dụng biện pháp xử lý theo ISPM 18 (*Hướng dẫn sử dụng chiếu xạ làm biện pháp kiểm dịch thực vật*) và đã áp dụng biện pháp xử lý phù hợp để đảm báo đáp ứng yêu cầu, thì không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của phần này trong lời chứng nhận vì việc phát hiện các pha hoạt động của dịch hại không được xem là vi phạm.

“Yêu cầu KDTV", do nước nhập khẩu quy định, là điều kiện bắt buộc chính thức cần đáp ứng để ngăn chặn sự xâm nhập và/hoặc lan rộng của sinh vật gây hại. NPPO của nước nhập khẩu nên đặt ra trước yêu cầu về KDTV nhập khẩu trong luật, quy định hoặc các văn bản khác (ví dụ: Giấy phép nhập khẩu, thoả thuận song phương, thỏa thuận khác).

“Bên nhập khẩu” được hiểu là các Chính phủ tham gia IPPC

------------------------------------------------------------

**Phần II. Khai báo bổ sung**

Khai báo bổ sung là cung cấp thêm thông tin cụ thể về chuyến hàng, liên quan đến các loại dịch hại thuộc diện điều chỉnh. Khai báo bổ sung cần hết sức ngắn gọn và súc tích. NPPO của nước nhập khẩu cần phải thường xuyên rà soát yêu cầu khai bổ sung và không nên yêu cầu khai bổ sung bằng từ ngữ tương tự như trong lời chứng nhận trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Nội dung khai báo bổ sung có thể được đề cập trong các quy định KDTV, giấy phép nhập khẩu hoặc thỏa thuận song phương. Biện pháp xử lý không nêu trong phần này, nhưng đề cập tại phần III của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu.

Khai báo bổ sung chỉ bao gồm các thông tin chi tiết về KDTV theo yêu cầu của NPPO của nước nhập khẩu hoặc yêu cầu của người xuất khẩu cho mục đích chứng nhận KDTV trong tương lai và không nên lặp lại thông tin đã ghi trong lời chứng nhận hoặc phần xử lý. Trong trường hợp yêu cầu KDTV nhập khẩu cho phép một số biện pháp lựa chọn, NPPO của nước xuất khẩu nên kê khai biện pháp đã áp dụng trong phần khai báo bổ sung.

Phụ lục 2 cung cấp một số ví dụ về nội dung cho các loại khai báo bổ sung khác nhau, thường do NPPO của nước nhập khẩu yêu cầu. Nếu NPPO thấy cần yêu cầu hoặc đưa ra khai báo bổ sung thì nên sử dụng các từ ngữ chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2.

Trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu Giấy phép KDTV nhập khẩu thì cần phải ghi vào phần này số Giấy phép KDTV nhập khẩu để thuận lợi cho việc kiểm tra chéo.

Trường hợp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu được cấp sau khi chuyến hàng đã rời cảng, và nếu nước nhập khẩu yêu cầu, nên ghi thêm ngày kiểm tra kiểm dịch vào phần này của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu (xem thêm điều kiện trong phần 4).

Nếu có thông tin bổ sung chính thức về KDTV cho mục đích sử dụng cấp Giấy chứng nhận KDTV trong tương lai, nhưđể tái xuất (xem phần 4), thì ghi vào phần này. Thông tin này cần được tách biệt rõ với phần khai báo bổ sung do nước nhập khẩu yêu cầu và phải thêm tiêu đề: "Thông tin bổ sung chính thức về KDTV".

**---------------------------------------------**

**Phần III. Khử trùng/ Biện pháp khử trùng**

Gồm các mục dưới đây:

**Ngày xử lý**

Ngày áp dụng biện pháp xử lý đối với chuyến hàng. Cần ghi đầy đủ ngày tháng năm để tránh sự nhầm lẫn.

**Biện pháp xử lý**

Loại biện pháp xử lý đã áp dụng đối với chuyến hàng (VD: xử lý nhiệt , chiếu xạ)

**Hóa chất (hoạt chất)**

Tên hoạt chất của loại thuốc dùng để xử lý

**Thời gian và nhiệt độ**

Thời gian và nhiệt độ xử lý

**Nồng độ**

Nồng độ và liều lượng áp dụng để xử lý

**Thông tin bổ sung**

Mọi thông tin bổ sung liên quan.

Biện pháp xử lý được áp dụng phải là biện được đã được nước nhập khẩu chấp nhận và được thực hiện hoặc bắt đầu (trường hợp hàng quá cảnh) tại nước xuất khẩu, dưới sự giám sát hoặc ủy quyền của NPPO của nước xuất khẩu để đáp ứng các yêu cầu KDTV nhập khẩu.

Đối với hình thức xử lý bằng chiếu xạ, nên xem xét quy định trong ISPM 18.

**Dấu của Tổ chức**

Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu cần phải được đóng dấu chính thức để xác định NPPO cấp chứng nhận. NPPO của nước xuất khẩu nên sử dụng con dấu thống nhất trong cả nước. Dấu sẽ được công chức có thẩm quyền đóng sau khi khai xong hoặc có thể được in trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Lưu ý khi đóng dấu không che khuất các thông tin cần thiết.

**Tên, chữ ký của cán bộ có thẩm quyền và ngày cấp,**

Tên của công chức có thẩm quyền được in, đánh máy, đóng dấu, hoặc viết tay bằng chữ hoa (tùy theo ngôn ngữ), dễ đọc. Ngày cấp cũng phải được in, đánh máy, đóng dấu, hoặc viết tay bằng chữ hoa (tùy theo ngôn ngữ), dễ đọc. Từ chỉ tháng cần phải được viết đầy đủ để không gây nhầm lẫn ngày, tháng, năm.

Mặc dù các phần của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu có thể được điền trước, nhưng ngày ghi trên giấy chính là ngày cấp Giấy chứng nhận KDTV. Theo yêu cầu của NPPO của nước nhập khẩu, NPPO của nước xuất khẩu nên có khả năng xác minh tính xác thực của chữ ký do công chức có thẩm quyền ký. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu chỉ được ký sau khi hoàn thành các nội dung hợp lệ.

Khi cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử, dữ liệu để cấp chứng nhận cần phải được xác nhận bởi NPPO cấp chứng nhận. Quá trình xác nhận này là chữ ký của công chức được ủy quyền và dấu. Dữ liệu chứng nhận điện tử được xác nhận tương đươngvới bản giấy hoàn chỉnh của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu.

**Trách nhiệm về mặt tài chính**

Không bắt buộc phải ghi tuyên bố về trách nhiệm tài chính của NPPO trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, mà tuỳ theo quy định của NPPO của nước xuất khẩu.

# 6. Xem xét các trường hợp tái xuất khẩu và quá cảnh

Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu tương tự như giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, ngoại trừ lời chứng nhận. Trong phần lời chứng nhận của Giấy chứng nhận KDTV tái xuất, NPPO của nước tái xuất khẩu đánh dấu vào các ô thích hợp xem liệu Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu có kèm theo bản gốc hoặc bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, liệu hàng được đóng gói lại hay không, liệu công-tơ-nơ chở hàng vẫn là công-tơ-nơ hoặc thay mới, và liệu đã kiểm tra kiểm dịch bổ sung hay không.

Trong trường hợp không duy trì được tính đồng nhất của thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV khác trong chuyến hàng hoặc chuyến hàng có nguy cơ nhiễm dịch hại, hoặc hàng hóa đã thay đổi bản chất do quá trình chế biến, thì không nên cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu. NPPO của nước tái xuất khẩu, theo yêu cầu của người xuất khẩu, có thể thực hiện các thủ tục KDTV thích hợp và nếu NPPO đảm bảo đáp ứng các yêu cầu KDTV nhập khẩu thì nên cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Nơi xuất xứ ghi trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu vẫn nên đặt trong dấu ngoặc đơn.

Trong trường hợp NPPO của nước tái xuất khẩu không yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV nhập khẩu cho một loại hàng hóa nào đó nhưng NPPO của nước nhập khẩu cuối cùng lại yêu cầu, và các yêu cầu KDTV nhập khẩu có thể được thực hiện qua kiểm tra trực quan hoặc lấy mẫu để kiểm tra tại phòng thí nghiệm, thì nước tái xuất khẩu có thể cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, trên đó có ghi tên nước xuất xứ trong ngoặc đơn tại mục xuất xứ.

# 6.1 Cân nhắc khi cấp Giấy chứng nhận cho hàng tái xuất khẩu

Khi hàng được nhập vào một quốc gia, sau đó lại xuất sang quốc gia khác, NPPO của nước tái xuất khẩu, theo yêu cầu của người xuất khẩu, có thể cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu (xem Mẫu trong Phụ lục 2). NPPO chỉ cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu trong trường hợp tự tin rằng lô hàng đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu. Vẫn có thể cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu trong trường hợp chuyến hàng này được bảo quản, tách ra, gộp với các chuyến hàng khác, hoặc đóng gói lại, với điều kiện lô hàng phải đảm bảo không bị nhiễm hay tái nhiễm dịch hại. Trường hợp chuyến hàng được kết hợp, phải có tất cả các phần liên quan đến chuyến hàng và tất cả cùng phải đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu.

Trước khi cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu, NPPO của nước tái xuất khẩu cần phải kiểm tra bản gốc hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV kèm theo chuyến hàng khi nhập khẩu và xác định xem yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu kế tiếp có cao hơn, cùng mức hoặc ít khắt khe hơn so với yêu cầu KDTV nêu trong bản gốc hoặc bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV đó.

Trong trường hợp hàng được đóng gói lại hoặc bốc xếp lại và ảnh hưởng đến tính đống nhất của chuyến hàng hoặc xác định được nguy cơ bị nhiễm hay tái nhiễm sinh vật gây hại, phải thực hiện kiểm tra kiểm dịch bổ sung. Nếu hàng không được đóng gói lại và tình trạng an toàn KDTV của chuyến hàng vẫn được duy trì thì NPPO của nước tái xuất khẩu có hai (02) sự lựa chọn liên quan đến kiểm tra kiểm dịch lô hàng tái xuất khẩu như sau:

* Nếu yêu cầu KDTV nhập khẩu giống nhau hoặc ít khắt khe hơn, NPPO của nước tái xuất khẩu có thể không cần phải thực hiện kiểm tra bổ sung.
* Nếu yêu cầu KDTV nhập khẩu khác nhau hoặc khắt khe hơn, NPPO của nước tái xuất khẩu có thể thực hiện kiểm tra bổ sung để đảm bảo chuyến hàng đáp ứng với yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu, nhu cầu này tại nước nhập khẩu có thể được đáp ứng thông qua kiểm tra kiểm dịch.

Có thể xảy ra trường hợp nước tái xuất khẩu không thực hiện được yêu cầu KDTV nhập khẩu của nước nhập khẩu cuối cung (ví dụ: kiểm tra mùa vụ gieo trồng, kiểm tra đất). Trong những trường hợp này, nước tái xuất khẩu vẫn có thể cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu hoặc Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu nếu:

* thông tin cụ thể về sự tuân thủ đã được ghi hoặc khai báo trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu do nước xuất xứ cấp
* hoặc có thể áp dụng biện pháp KDTV thay thế (kiểm tra mẫu tại phòng thí nghiệm hoặc biện pháp xử lý) được coi là tương đương và đáp ứng yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu cuối cùng.
* Khi có yêu cầu kê khai bổ sung vào Giấy chứng nhận KDTV tái xuất, cần dựa vào các hoạt động của NPPO của nước tái xuất khẩu. Không nên chuyển phần khai báo bổ sung trong bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu sang Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu.

Trong trường hợp tái xuất thường xuyên, hoặc bắt đầu, NPPO của nước xuất xứ và nước tái xuất có thể thống nhất quy trình phù hợp để đáp ứng các yêu cầu này. Việc thống nhất có thể thực hiện qua trao đổi công hàm giữa các NPPO về biện pháp KDTV áp dụng tại nơi xuất xứ (ví dụ: kiểm tra mùa vụ gieo trồng, kiểm tra đất) để giúp nước tái xuất khẩu chứng nhận các chuyến hàng theo yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu.

Bản gốc hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu phải đi kèm với chuyến hàng, cùng với Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu.

Khi cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu, NPPO của nước tái xuất khẩu cần đảm bảo việc xử lý (ví dụ: chia nhỏ, kết hợp, đóng gói, bảo quản) của chuyến hàng tại nước tái xuất khẩu.

Trong trường hợp lô hàng được chia nhỏ để tái xuất riêng biệt, tất cả các chuyến hàng đều phải có Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu và các bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu.

Chỉ được ký Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu sau khi hoàn thiện các nội dung theo quy định.

# 6.2 Quá cảnh

Nếu hàng quá cảnh qua một nước nào đó, NPPO của nước quá cảnh sẽ không tham gia trừ khi thấy có nguy cơ ảnh hưởng đến nước quá cảnh (ISPM 25 (*Hàng quá cảnh*)).

Nếu an toàn KDTV của chuyến hàng bị ảnh hưởng trong thời gian quá cảnh, và NPPO của nước quá cảnh nhận được yêu cầu tham gia thì có thể cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu theo các điều khoản mô tả trong tiêu chuẩn này.

Không nên coi việc thay đổi phương tiện vận chuyển trong thời gian quá cảnh hoặc vận chuyển hai (02) hoặc nhiều lô hàng trên cùng một phương tiện là lý do để cấp Giấy chứng nhận KDTV, trừ khi tình trạng an toàn KDTV của chuyến hàng bị ảnh hưởng.

Nếu xác định được nguy cơ cụ thể, nước nhập khẩu có thể đưa ra yêu cầu KDTV nhập khẩu cụ thể (ví dụ: đóng dấu, loại bao bì cụ thể) đối với nước xuất khẩu về các chuyến hàng sẽ nhập khẩu sau khi quá cảnh qua nước khác.

*Phụ lục này là một phần quy định của tiêu chuẩn*

# PHỤ LỤC 1: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu

*[Phụ lục gốc của IPPC]*

Số. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tổ chức BVTV của nước\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Gửi: Tổ chức BVTV của nước \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**I. Diễn giải về chuyến hàng**

Tên và địa chỉ của người xuất khẩu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên và địa chỉ người nhận: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Số lượng và loại đóng gói: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ký, mã hiệu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Xuất xứ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Phương tiện chuyên chở: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Cửa khẩu nhập: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên và khối lượng sản phẩm: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên khoa học của thực vật: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình chính thức phù hợp, được xem là không có đối tượng KDTV của nước nhập khẩu, và phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhâp khẩu, bao gồm cả yêu cầu về dịch hại phải kiểm soát.

Lô hàng được xem là không bị nhiễm các dịch hại khác.\*

**II. Khai báo bổ sung**

[Điền nội dung vào đây]

**III. Khử trùng và/hoặc xử lý khử trùng**

Ngày \_\_\_\_\_\_\_Phương pháp xử lý \_\_\_\_\_\_\_Tên thuốc (hoạt chất)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thời gian và nhiệt độ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nồng độ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thông tin bổ sung \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nơi cấp giấy\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(Dấu của cơ quan) Tên của cán bộ có thẩm quyền\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày cấp \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(Ký tên)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên của NPPO) hoặc công chức hoặc người đại diện của NPPO không chịu trách nhiệm về tài chính liên quan đến chứng nhận này\*.

(\*không bắt buộc)

*Phụ lục này là là một phần quy định của tiêu chuẩn*

# PHỤ LỤC 2: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu

*[Phụ lục gốc của IPPC]*

Số. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tổ chức BVTV của nước\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(nước tái xuất khẩu)

Gửi: Tổ chức BVTV của nước \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_((các) nước nhập khẩu)

**I. Diễn giải về chuyến hàng**

Tên và địa chỉ của người xuất khẩu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên và địa chỉ người nhận: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Số lượng và loại đóng gói: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ký, mã hiệu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nơi sản xuất: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Phươngtiện chuyên chở: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Cửa khẩu nhập: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên và khối lượng sản phẩm: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tên khoa học của thực vật: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV nêu trên được nhập vào (tên nước tái xuất) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ từ\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên nước xuất xứ) với Giấy chứng nhận KDTV số \_\_\_\_\_\_\_\_\_,\*bản gốc [ ] bản sao chứng thực [ ] được gửi kèm theo Giấy chứng nhận này; đã được đóng gói [ ] đóng gói lại [ ] giữ nguyên bao bì gốc [ ], bao bì mới [ ] trên cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc [ ] và kiểm tra bổ sung [ ], được coi là phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, và trong thời gian bảo quản tại\_\_\_\_\_(tên nước tái xuất), lô hàng này không bị nhiễm dịch hại hay bị gây hại.

\*Đánh dấu vào các ô [ ] nếu phù hợp

**II. Khai báo bổ sung**

[Điền nội dung vào đây]

**III. Biện pháp xử lý KDTV**

Ngày \_\_\_\_\_\_\_Phương pháp xử lý \_\_\_\_\_\_\_Tên thuốc (hoạt chất)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thời gian và nhiệt độ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nồng độ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thông tin bổ sung \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nơi cấp giấy\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(Dấu của cơ quan) Tên của cán bộ có thẩm quyền\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày cấp \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

(Ký tên)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên của NPPO) hoặc công chức hoặc người đại diện của NPPO không chịu trách nhiệm về tài chính liên quan đến chứng nhận này\*.

(\*không bắt buộc)

# PHỤ CHƯƠNG 1: Chứng nhận KDTV điện tử, thông tin về cơ chế XML tiêu chuẩn và cơ chế trao đổi thông tin (2014)

**Giới thiệu**

Giấy chứng nhận KDTV điện tử là bản điện tử có giá trị tương đương bản in giấy của Giấy chứng nhận KDTV và có thể được sử dụng nếu NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận. Khi NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử, Giấy chứng nhận này nên được chuyển trực tiếp cho NPPO của nước nhập khẩu.

Tất cả yêu cầu và quy định trong tiêu chuẩn này áp dụng cho Giấy chứng nhận KDTV điện tử.

Khi sử dụng chứng nhận KDTV điện tử, NPPO cần phải thiết lập hệ thống ban hành, chuyển và nhận Giấy chứng nhận KDTV, hệ thống này sử dụng Ngôn ngữ đánh dấu có thể mở rộng (XML), nội dung và cấu trúc thông tin chuẩn hóa, và quy trình trao đổi chuẩn hóa.

Phụ chương này cung cấp hướng dẫn về các yếu tố trên và tham khảo trang web của IPPC3, trang web liên kết với các trang thông tin khác chi tiết hơn – trang web và tài liệu của cả IPPC và ngoài IPPC – về thông tin đề cập trong phụ chương này. Các liên kết này được đề cập đến dưới dạng “*Liên kết 1*”, “*Liên kết 2*” v.v.

Hệ thống bao gồm các hợp phần đã hài hòa sau để tạo ra Giấy chứng nhận KDTV điện tử.

**1. Cấu trúc gói tin XML**

NPPO nên sử dụng XML của Tập đoàn mạng lưới toàn cầu (WC3) (*Liên kết 1*) để trao đổi dữ liệu chứng nhận KDTV điện tử.

Cấu trúc gói tin KDTV dạng XML dựa trên lược đồ XML về Kiểm dịch động-thựuc vật (SPS) của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Thương mại điện tử (UN/CEFACT) Liên hợp quốc (*Liên kết 2*), và sơ đồ dữ liệu XML (sơ đồ dữ liệu XML này cho biết nên đặt dữ liệu chứng nhận kiểm dịch vào vị trí nào trong lược đồ XML).

Sơ đồ dữ liệu XML về KDTV cho phép tạo ra Giấy chứng nhận KDTV điện tử xuất khẩu (*Liên kết 3*) và Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu (*Liên kết 4*).

**2. Nội dung của lược đồ XML**

Để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin điện tử tự động và xử lý dữ liệu chứng nhận KDTV, khuyến khích NPPO sử dụng các thuật ngữ, mã và văn bản đã chuẩn hóa (hài hòa) đối với các yếu tố dữ liệu kết hợp với gói tin XML để tạo ra Giấy chứng nhận KDTV điện tử.

Trong trường hợp có sẵn mã phù hợp, cần hạn chế sử dụng ký tự tự do (ví dụ: chưa được chuẩn hóa).

Đối với ngày tháng và tên nước, đã có ký tự chuẩn hoá và yêu cầu không sử dụng ký tự tự do.

Đối với tên khoa học của thực vật và sinh vật gây hại, mô tả lô hàng, biện pháp xử lý, khai báo bổ sung và cửa khẩu nhập, hiện đang xây dựng danh mục mở rộng các thuật ngữ, mã và ký tự chuẩn hoá và sẽ được phổ biến. Có thể bổ sung ký tự tự do nếu trong danh mục không có thuật ngữ, ký tự phù hợp hoặc trị số phù hợp.

Quy trình duy trì và cập nhật danh mục thuật ngữ đã hài hòa hoá đang được xây dựng và sẽ được hướng dẫn trên trang web của IPPC[[2]](#footnote-2). NPPO sẽ phải sử dụng quy trình này để gửi đề xuất thuật ngữ chuẩn hoá.

Đối với các yếu tố dữ liệu khác với các yếu tố nêu trên, không yêu cầu sự dụng các thuật ngữ và ký tự chuẩn hoá, do đó có thể sử dụng ký tự tự do.

Các chi tiết khác về thông tin được bổ sung cho các yếu tố dữ liệu trong gói tin XML được đề cập trong các phần dưới đây.

**2.1. Tên nước**

Đối với tên nước (ví dụ; nước xuất xứ, xuất khẩu, tái xuất khẩu, qua cảnh và nước nhập khẩu), khuyến khích sử dụng mã nước gồm hai (02) ký tự của Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO) (*Liên kết 6*).

**2.2. Tên khoa học của thực vật và sinh vật gây hại**

Đối với các tên khoa học của thực vật trong lô hàng, nguồn gốc thực vật của sản phẩm, và dịch hại thuộc diện điều chỉnh, khuyến khích sử dụng cơ sở dữ liệu về tên khoa học (*Liên kết 7*).

**2.3 Mô tả về lô hàng**

Nên đưa thông tin về loại hàng hoá và bao bì vào phần mô tả chuyến hàng. Khi mô tả hàng hóa, khuyến khích việc sử dụng thuật ngữ hàng hoá của IPPC (*Liên kết 8*). Ngoài ra cũng khuyến khích mô tả loại bao bì theo Kiến nghị số 21 của Ủy ban Kinh tế Liên Hiệp Quốc về khu vực Châu Âu (UNECE) (*Liên kết 9*).

Các yếu tố khác mô tả chuyến hàng có thể bao gồm, nếu có thể:

- khối lượng, thể tích và chiều cao (khuyến khích mô tả theo Kiến nghị số 20 của UNECE (*Liên kết 10*))

- khai báo phương tiện vận chuyển (khuyến khích mô tả theo Kiến nghị số 19 của UNECE (*Liên kết 15*)).

- khai báo cửa khẩu nhập và tên nước (khuyến khích mô tả theo Mã thương mại và vận tải của Liên hợp quốc (UN/LOCODE) (*Liên kết 14*)).

**2.4 Biện pháp xử lý**

Khuyến khích quy định rõ các hình thức xử lý bằng thuật ngữ đã hài hòa hoá của IPPC (*Liên kết 11*). Đối với các hoạt chất, khuyến khích sử dụng theo chỉ số thuốc bảo vệ thực vật của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex Alimentarius) (*Liên kết 12*). Đối với các thông số khác (ví dụ: nồng độ, liều lượng, nhiệt độ và thời gian xử lý), khuyến khích sử dụng theo Kiến nghị số 20 của UNECE (*Liên kết 10*).

**2.5 Khai báo bổ sung**

Từ ngữ chuẩn hoá đề xuất để khai báo bổ sung được cung cấp trong Phụ chương 2, và khi khai báo bổ sung nên sử dụng mã của IPPC (*Liên kết 13*)

**2.6. Tên cán bộ được uỷ quyền**

Tên của cán bộ được ủy quyền cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử nên được ghi trong mỗi loại Giấy chứng nhận KDTV điện tử.

**3. Cơ chế trao đổi dữ liệu an toàn**

NPPO có trách nhiệm bảo mật hệ thống công nghệ thông tin (IT) quốc gia được sử dụng để tạo ra Giấy chứng nhận KDTV điện tử.

Trong quá trình gửi, dữ liệu phải được mã hóa để đảm bảo an toàn và giá trị cho trao đổi điện tử các dữ liệu về chứng nhận KDTV điện tử giữa các NPPO là an toàn và hợp lệ. NPPO nên sử dụng giao thức bảo mật với mã hóa tối thiểu là 128 bit. Trước khi gửi, dữ liệu chứng nhận KDTV điện tử có thể được mã hóa bổ sung để không bị ảnh hưởng sau khi gửi.

Việc gửi dữ liệu qua Internet từ NPPO của nước xuất khẩu sang NPPO của nước nhập khẩu cần phải thực hiện theo cơ chế IT bảo mật (ví dụ: Simple Object Access Protocol (SOAP), Secure/Multipurpose Internet Mail Extensions (S/MIME), File Transfer Protocol (FTP), Representative State Transfer (REST)), các cơ chế này sử dụng hệ thống mà nó tương thích lẫn nhau.

NPPO của nước xuất khẩu cần cung cấp cho người xuất khẩu số Giấy chứng nhận KDTV điện tử thực tế của chuyến hàng.

Thông tin về tình trạng trao đổi gói tin giữa các NPPO phải tuân theo các gói tin tiêu chuẩn được UN/CEFACT đề xuất.

NPPO có trách nhiệm phát triển và duy trì hệ thống trao đổi dữ liệu chứng nhận KDTV điện tử. Trong trường hợp cơ chế trao đổi bị gián đoạn do lỗi bảo trì hoặc hệ thống gặp sự cố, NPPO cần phải thông báo sớm cho các NPPO khác biết.

**4. Giấy chứng nhận KDTV tái xuất điện tử**

Đối với hệ thống cấp bản giấy, bản gốc hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu nên đi kèm với Giấy chứng nhận KDTV tái xuất. Trong trường hợp Giấy chứng nhận KDTV bản giấy hoặc điện tử cùng được sử dụng, cần đáp ứng các yêu cầu sau đây.

**4.1 Giấy chứng nhận KDTV tái xuất và Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu dạng điện tử**

Khi cả Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu và Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu đều cấp ở dạng điện tử, Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu điện tử cần được đính kèm dưới dạng điện tử với Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu điện tử.

**4.2 Giấy chứng nhận KDTV tái xuất điện tử với Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu dạng giấy**

Khi Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu dạng giấy và Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu điện tử, cần đính kèm bản scan của bản gốc Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu dạng giấy (định dạng PDF hoặc dạng khác không thể chỉnh sửa) với Giấy chứng nhận KDTV tái xuất điện tử.

**4.3 Giấy chứng nhận KDTV tái xuất dạng giấy với Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu dạng điện tử**

Khi Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu ở dạng điện tử và Gấy chứng nhận KDTV tái xuất ở dạng giấy, NPPO của nước tái xuất phải in và xác nhận Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu điện tử bằng việc đóng dấu, ghi ngày và ký. Khi đó, bản in Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu điện tử trở thành một bản sao chứng thực, dưới dạng giấy, và được đính kèm với Giấy chứng nhận KDTV tái xuất dạng giấy.

**5. Quản lý Giấy chứng nhận KDTV điện tử do NPPO ban hành**

**5.1 Các vấn đề về tải Giấy chứng nhận**

Nếu NPPO của nước nhập khẩu không thể tải được từ hệ thống Giấy chứng nhận KDTV điện tử, NPPO của nước xuất khẩu phải gửi lại bản gốc Giấy chứng nhận KDTV điện tử theo yêu cầu của NPPO của nước nhập khẩu.

**5.2 Thay đổi và thay thế**

Nếu cần thay đổi bất kỳ thông tin nào trong Giấy chứng nhận KDTV điện tử sau khi cấp, phải thu hồi bản gốc Giấy chứng nhận KDTV điện tử và cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử thay thế (*Liên kết 5*), trong đó có thông tin thay đổi, theo mô tả trong tiêu chuẩn này.

**5.3 Hủy vận chuyển hàng**

Nếu biết chuyến hàng không được vận chuyển đi sau khi cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử, NPPO của nước xuất khẩu phải thu hồi Giấy chứng nhận KDTV điện tử của chuyến hàng đó.

**5.4 Bản sao xác nhận**

Bản sao xác nhận của Giấy chứng nhận KDTV điện tử là bản in dữ liệu chứng nhận KDTV điện tử, được xác nhận (đóng dấu, ghi ngày cấp và ký) bởi NPPO thực hiện việc chứng nhận cho tính xác thực của dữ liệu.

Bản in dữ liệu chứng nhận sử dụng từ ngữ chuẩn hóa nêu trong mẫu giấy chứng nhận KDTV của IPPC và được công nhận như Giấy chứng nhận KDTV. Tuy nhiên, bản in có thể là dữ liệu ở dạng XML nếu được NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận.

**6. Tên và địa chỉ nhà nhập khẩu**

Trường hợp Giấy chứng nhận KDTV dạng giấy, tại mục “Tên và địa chỉ người nhận”, có thể sử dụng thuật ngữ “To order” trong trường hợp không người nhận hàng và NPPO của nước nhập khẩu cho phép sử dụng thuật ngữ này.

Đối với Giấy chứng nhận KDTV điện tử, thông tin về chuyến hàng có thể được gửi đến nước nhập khẩu trước khi lô hàng đến cửa khẩu nhập, việc này sẽ cho phép xác minh dữ liệu chứng nhận KDTV điện tử trước khi hàng đến.

Thay vì sử dụng thuật ngữ “To order”, khuyến khích NPPO yêu cầu điền vào Giấy chứng nhận điện tử tên và địa chỉ người liên lạc tại nước nhập khẩu chịu trách nhiệm đối với chuyến hàng đó.

*Phụ lục này chỉ để tham khảo và không phải là một phần bắt buộc của tiêu chuẩn này*

# PHỤ CHƯƠNG 2: Từ ngữ đề xuất dùng cho khai báo bổ sung

Các yêu cầu khai báo bổ sung về KDTV nhập khẩu nên sử dụng các thuật ngữ dưới đây. Tuy nhiên, đây là ví dụ, không phải là cách dùng duy nhất.

1. Chuyến hàng\* đã được kiểm tra và không phát hiện \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên (các) loài dịch hại hoặc đất *[nêu cụ thể]*)).
2. Chuyến hàng\* đã được kiểm nghiệm (nêu biện pháp cụ thể) và không phát hiện \_\_\_\_\_\_\_\_\_(tên loài (các) loài dịch hại)).
3. Môi trường dùng để gieo trồng đã được kiểm tra trước khi gieo trồng và không phát hiện \_\_\_\_ (tên (các) loài dịch hại)).
4. \_\_\_\_\_\_\_ (Tên (các) loài sinh vật gây hại) không có mặt/chưa được xác định xuất hiện tại \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên nước/ vùng).
5. Chuyến hàng\* được sản xuất tại

vùng không nhiễm \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_tên (các) loài dịch hại)) \*\*

vùng ít phổ biến\_\_\_\_\_\_\_ \_tên (các) loài dịch hại)

nơi sản xuất không nhiễm \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_tên (các) loài dịch hại)\*\*

cơ sở sản xuất không nhiễm dịch hại\_\_\_\_\_\_\_ tên (các) loài dịch hại)\*\*

1. Nơi sản xuất\*\*/cơ sở sản xuất/ruộng\*\* đã được kiểm tra trong thời vụ gieo trồng\*\*\* và không phát hiện \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên (các) loài dịch hại).
2. Thực vật/cây mẹ đã được kiểm tra trong thời vụ gieo trồng vừa qua\*\*\* và không phát hiện \_\_\_\_\_ (tên (các) loài dịch hại).
3. Thực vật được nuôi cấy trong ống nghiệm (nêu rõ kỹ thuật nuôi cấy trong ống nghiệm) và không phát hiện \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên (các) loài dịch hại).
4. Thực vật thu từ cây mẹ đã kiểm tra (có thể nêu biện pháp cụ thể) và không phát hiện \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tên (các) loài dịch hại).
5. Lô hàng này\* đã được sản xuất và chuẩn bị để xuất khẩu phù hợp với \_\_\_\_(tên chương trình, yêu cầu KDTV nhập khẩu cụ thể hoặc hiệp định song phương).
6. Lô hàng này được sản xuất từ các giống kháng với loài \_\_\_\_(tên dịch hại hại).
7. Vật liệu làm giống phù hợp với \_\_\_\_\_\_\_\_((các) mức độ cho phép cụ thể) thiết lập theo yêu cầu KDTV nhập khẩu đối với\_\_\_\_\_\_\_\_\_(dịch hại phải kiểm soát)

\* Có thể nêu cụ thể nếu chỉ áp dụng trong phần này.

\*\* Nếu có thể, bổ sung: “bao gồm khu vực quanh vùng đệm”.

\*\*\* Có thể bổ sung số lần/mùa vụ hoặc giai đoạn cụ thể, nếu thích hợp.

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. http://www.ippc.int/en/ephyto/ephyto-technical-information/ [↑](#footnote-ref-2)